TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Công Danh

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Uyên San – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 684/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: E629, khu phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: D340, tổ I, khu phố D, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đỗ Hữu T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ thường trú: E629, tổ C, khu phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: D340, tổ I, khu phố D, phường L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai). Việc kết hôn này hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện không có sự ép buộc. Thời gian đầu, hai ông bà sống cùng nhau hạnh phúc nhưng sau đó, vợ chồng bà

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, quan điểm sống không còn đồng nhất. Hai vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn lại nhưng không thành. Đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm của bà dành cho ông T1 không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Hữu T1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Lê Hà P, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đỗ Lê Minh P1, sinh ngày 01/01/2011. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P1. Tạm thời không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đỗ Lê Hà P đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Đỗ Hữu T1 đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Lê Minh P1 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng. Đối với cháu Đỗ Lê Hà P đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung bà T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà Lê Thị T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Đỗ Hữu T1 hiện đang trú tại: D, tổ I, khu phố D, phường L, tỉnh Đồng Nai (theo biên bản xác minh ngày 06/5/2025 của Công an phường L). Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T1 đầy đủ, tuy nhiên ông T1 vắng mặt không có lý do

chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 282 ngày 09/9/2005. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 có xảy ra hay không thì địa phương không nắm rõ do bà T và ông T1 không không trình báo, cũng không liên hệ để giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai vợ chồng ông bà có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng ông T1 không đến. Điều này chứng tỏ bà T và ông T1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1.

[3] **Về con chung**: Bà T và ông T1 có 02 con chung là cháu Đỗ Lê Hà P, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Đỗ Lê Minh P1, sinh ngày 01/01/2011. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đỗ Lê Minh P1 và cháu P1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với ông T1, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông T1 không đến Tòa làm việc và cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Đỗ Lê Minh P1 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Đỗ Lê Hà P, do đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông T1 vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] **Về án phí**: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, trranh chấp nuôi con" của nguyên đơn bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Đỗ Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Minh P1, sinh ngày 01/01/2011 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Hữu T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006379 ngày 31/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đồng Nai. Bà Lê Thị T đã nộp xong án phí.

5. Bà Lê Thị T và ông Đỗ Hữu T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đồng Nai
- UBND phường Long Bình (số ĐKKH 282 ngày 09/9/2005);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**